

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Ngôn ngữ Anh Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Kỹ năng Nói C1.2	1.2. Tên tiếng Anh: Speaking C1.2
1.3. Mã học phần:	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	20 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	10 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Nguyễn Thọ Phước Thảo
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Giảng viên Bộ môn tiếng Anh
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Đã học xong học phần Kỹ năng Nói C1.1
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Không có

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung: Giúp sinh viên củng cố và phát triển kỹ năng nói tiếng Anh ở trình độ C2.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Về kiến thức:

Nội dung học phần giúp sinh viên vận dụng được kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và kỹ năng Nói ở trình độ Cao cấp C1 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Sinh viên có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác. Có thể trình bày về ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm của cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp. Có thể lập luận một cách có hệ thống, nhấn mạnh được những điểm quan trọng bằng những chi tiết minh họa liên quan. Có thể giao tiếp bằng tiếng Anh khá lưu loát, tự nhiên. Có thể giải trình ý quan trọng thông qua kinh nghiệm cá nhân, lý giải và duy trì quan điểm một cách rõ ràng với những lập luận và minh chứng liên quan.

2.2.2. Về kỹ năng:

Kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng giao tiếp ở trình độ C1 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Kết thúc học phần này, sinh viên có thể giao tiếp trôi chảy, phản xạ linh hoạt trong các ngữ cảnh giao tiếp, đưa ra lý do thuyết phục người nghe, phát triển kỹ năng nói trước đám đông.

2.2.3. Về thái độ:

Học phần giúp sinh viên tham gia vào việc học một cách chủ động, tích cực, áp dụng các kiến thức được học để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh, cố gắng sử dụng tiếng Anh để giao tiếp và kết hợp phát triển các kỹ năng khác.

Sinh viên ý thức được các phép lịch sự và có cách ứng xử phù hợp theo vai và tình huống giao tiếp hằng ngày ở trường và nơi làm việc.

Sinh viên hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
	<i>Về kiến thức</i>
CLO1	Kiến thức ngôn ngữ ở trình độ C1 (theo khung tham chiếu Châu Âu) bao gồm vốn từ vựng, ngữ pháp, các cụm từ
CLO 2	Kiến thức ngôn ngữ ở trình độ C1 (theo khung tham chiếu Châu Âu) bao gồm cấu trúc chức năng như so sánh đối chiếu các bức tranh để tìm ra điểm chung và điểm riêng, đưa ra ý kiến của bản thân về một vấn đề
	<i>Về kỹ năng</i>
CLO 3	<u>Nói độc thoại: Mô tả kinh nghiệm</u> - Có thể mô tả rõ ràng, chi tiết về các chủ đề phức tạp. - Có thể mô tả, tường thuật tỉ mỉ, tích hợp các chủ đề nhỏ, phát triển các ý cụ thể thành những kết luận phù hợp.
CLO 4	<u>Đặc tả tổng quát cho kỹ năng nói tương tác</u> - Có thể thể hiện bản thân một cách trôi chảy, tự nhiên và không cần phải quá nỗ lực. Làm chủ được vốn từ vựng và có thể dễ dàng biến báo trong những tình huống quanh co. Không còn phải tìm kiếm cách diễn đạt hay tìm cách né tránh câu hỏi.
CLO 5	<u>Nói tương tác: Hội thoại</u> - Có thể sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả cho những mục đích xã hội, bao gồm các biểu đạt cảm xúc, cách nói bóng gió, nói đùa.
CLO 6	<u>Nói tương tác: Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn</u> - Có thể thể hiện tốt vai trò của người phỏng vấn và người được phỏng vấn,

	mở rộng và phát triển chủ đề được thảo luận một cách trôi chảy mà không cần tới bất kỳ sự hỗ trợ nào và có thể xử lý tốt những phần ngoài chủ đề.
CLO 7	<u>Phát âm và độ lưu loát</u> - Có thể thay đổi ngữ điệu và đặt trọng âm câu chuẩn xác để thể hiện các sắc thái ý nghĩa tinh tế. - Có thể diễn đạt ý mình một cách trôi chảy, tự nhiên và gần như không khó khăn gì. Chỉ một số chủ đề khó về mặt khái niệm mới có thể cản trở được mạch diễn đạt trôi chảy và tự nhiên.
CLO 8	<u>Độ chuẩn xác và phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội</u> - Có thể sử dụng chính xác, tự tin và hiệu quả cách phát âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp tuy nhiên đôi khi vẫn phải ngừng câu, chuyển ý và tìm cách diễn đạt khác. - Có thể nhận diện được nhiều cách diễn đạt kiểu thành ngữ hoặc thông tục, cảm nhận được những thay đổi về cách giao tiếp, tuy nhiên đôi khi vẫn phải hỏi lại các chi tiết, đặc biệt khi nghe giọng không quen.
	<i>Về thái độ Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)</i>
CLO9	- tham gia vào việc học một cách chủ động, tích cực, áp dụng các kiến thức được học để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh, cố gắng sử dụng tiếng Anh để giao tiếp và kết hợp phát triển các kỹ năng khác.
CLO 10	- ý thức được các phép lịch sự và có cách ứng xử phù hợp theo vai và tình huống giao tiếp hằng ngày ở trường và nơi làm việc.
CLO 11	- hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO 1		I	I	R		I				I	I	
CLO 2		I	I	R	I	I		I		I	I	I
CLO 3		I	I	I						I		
CLO 4			R							I		
CLO 5												
CLO 6		I	I	I	I					I		
CLO 7			R							I		
CLO 8		I	R							I		
CLO 9		I	I	I		I				I		
CLO 10		I								R	R	R
CLO 11		I								R	R	R

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%					Sử dụng rubric
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5 (Tổng hợp kiến thức)	50%		CLO 1-5 CLO7-8	A2.1. Kiểm tra vấn đáp Kiểm tra kỹ năng nói, phản xạ, khả năng sử dụng ngôn ngữ khi đối thoại.
		A2.2. Tuần 10 (Các bài trong quá trình học)	50%		CLO 6-8	A2.2. Kiểm tra vấn đáp Kiểm tra phần nói 3, 4 trình độ C1 theo các tiêu chí sẵn
A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi vấn đáp			CLO 1-11	Sử dụng rubric

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	TRACES OF THE PAST (Unit 7) 1.1 Lead in: Discussion 1.2 Speaking Part 2: talking about the past	4	- Có thể mô tả rõ ràng, chi tiết về các sự kiện xảy ra trong quá khứ - So sánh đối chiếu hai bức tranh về tình huống xảy ra trong quá khứ - Vận dụng được các cụm từ, cấu trúc biểu đạt điểm giống và khác nhau, diễn đạt được sự phỏng đoán trong các tình huống	CLO3 CLO6 CLO7 CLO8	- PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên	Sinh viên làm việc theo nhóm, sáng tạo và kể về một câu chuyện xảy ra trong quá khứ dựa trên set tranh cho sẵn	

2	<p>THE BIG ISSUES (Unit 8)</p> <p>2.1 Lead in: Discussion</p> <p>2.2 Speaking Part 3 & 4: talking about important decisions</p>	4	<p>- Có thể bàn luận về những khó khăn gặp phải khi đưa ra một quyết định quan trọng có ảnh hưởng lâu dài đến tương lai</p> <p>- Có thể sử dụng các cụm từ để đưa ra ý kiến, đồng ý hay phản bác, đưa lý do và thống nhất ý kiến về một tình huống được đưa ra</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>	<p>- PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm;</p> <p>- GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	<p>Sinh viên làm việc theo nhóm, tranh luận về chủ đề được đưa ra trong bài học, giải quyết tình huống theo tranh</p>	
3	<p>IT'S A CRIME (Unit 9)</p> <p>3.1 Lead in: Discussion</p> <p>3.2 Speaking Part 2: talking about warning boards</p>	4	<p>- Có thể tranh luận về các biển báo</p> <p>- So sánh đối chiếu hai bức tranh về các biển báo trong một tình huống cụ thể</p> <p>- Vận dụng được các cụm từ, cấu trúc biểu đạt điểm giống và khác nhau, diễn đạt được sự phỏng đoán trong các tình huống</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>	<p>- PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm;</p> <p>- GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	<p>Sinh viên làm việc theo nhóm bàn luận về các loại biển báo theo tình huống cho sẵn</p>	

4	<p>BUYING AND SELLING (Unit 10)</p> <p>4. 1 Lead in: Discussion</p> <p>4. 2 Speaking Part 3 & 4: talking about advertisement</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể tranh luận về những ưu nhược điểm của các hình thức quảng cáo phổ biến hiện nay - Có thể sử dụng các cụm từ để đưa ra ý kiến, đồng ý hay phản bác, đưa lý do và thống nhất ý kiến về một tình huống được đưa ra liên quan đến quảng cáo 	<p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>	<p>PP thuyết trình tích cực có sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, diễn giải và tương tác với sinh viên</p> <p>GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	<p>Sinh viên làm việc theo nhóm tranh luận, đưa ý kiến về các hình thức quảng cáo</p>	A1.1.
5	<p>ENTERTAINMENT OR ART? (Unit 11)</p> <p>5.1 Lead in: Discussion</p> <p>5.2 Speaking Parts 2: talking about entertainment</p> <p>5.3 Speaking part 4</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể tranh luận về các hình thức giải trí - So sánh đối chiếu hai bức tranh về hình thức giải trí khác nhau - Vận dụng được các cụm từ, cấu trúc biểu đạt điểm giống và khác nhau, diễn đạt được sự phỏng đoán trong tình huống liên quan đến hình thức giải trí - Thực hành trả lời các câu hỏi liên quan đến xã hội 	<p>CLO3</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>	<p>- PP thuyết trình tích cực có sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, diễn giải và tương tác với sinh viên;</p> <p>- PP thảo luận, giải quyết vấn đề.</p>	<p>Sinh viên làm việc độc lập, áp dụng các cấu trúc ngữ pháp, các cụm từ để trả lời câu hỏi ở phần 4 của kỹ năng nói C1</p>	

6	<p>A CHANGING WORLD (Unit 12)</p> <p>6.1 Lead in: Discussion</p> <p>6.2 Speaking Part 3: talking about development</p> <p>6.3 Speaking part 4</p>	5	<p>- Có thể thảo luận về những phương án có thể thay đổi nơi mình sống</p> <p>- Có thể tranh luận về những điểm được mất khi đưa ra những cách thức thay đổi môi trường sống ở một tình huống được đưa ra</p> <p>- Có thể sử dụng các cụm từ để đưa ra ý kiến, đồng ý hay phản bác, đưa lý do và thống nhất ý kiến về một tình huống được đưa ra</p> <p>- Vận dụng các cấu trúc, cụm từ để trả lời được các dạng câu hỏi ở phần 4 của kỹ năng Nói C1</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>	<p>PP thuyết trình tích cực có sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, diễn giải và tương tác với sinh viên</p> <p>GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	<p>Sinh viên làm việc theo cặp, tranh luận về một chủ đề liên quan đến thay đổi môi trường sống dựa trên một tình huống có sẵn</p> <p>Sinh viên hoạt động độc lập trả lời các câu hỏi ở phần 4 của kỹ năng Nói C1</p>	
7	Ôn tập và kiểm tra tín chỉ	4				<p>Sinh viên thực hiện bài kiểm tra tập trung vào Phần 3 và phần 4 của kỹ năng nói C1</p>	A2
8	Kiểm tra cuối kì						A4

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Kathy G. & Mary S.	2012	<i>CAE Result, Student's Book</i>	Oxford University Press
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Mann M & Taylore-Knowles S Macmillan	2008	<i>Destination C1 & C2 – Grammar and Vocabulary</i>	Publisher Limited
3	Norris R.	2013	<i>Ready for CAE, Course Book, Collins English for life</i>	Powered by Cobuild.
4	Sam McCarter & W. Norman	2007	<i>Improve your IELTS – Listening and Speaking Skill</i>	MacMillan Publisher Limited
5	Falla T. & A Davies P. Oxford	2007	<i>Solutions – Uppert-Intermediate Student's Book</i>	Univeristy Press

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp	Projector, loa, màn hình máy chiếu	01	Tất cả các bài học

9. Rubric đánh giá

a. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check) Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3,9)	MỨC D (4,0-5,4)	MỨC C (5,5-6,9)	MỨC B (7,0-8,4)	MỨC A (8,5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>90%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp tại lớp. Đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. phát biểu ít khi có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả	50%

b. Kiểm tra vấn đáp

PART 1 (6 marks) (Focus on Part 3 – C1 speaking test)

1. ability to interact	20%
2. ability to exchange	10%
3. ability to express opinions	10%
4. ability to agree and disagree	10%
5. ability to evaluate and reach a decision	10%

PART 2 (4 marks) (Focus on Part 4– C1 speaking test)

1. content	10%
2. pronunciation	10%
3. speak at length coherently	10%
4. use language to express opinions	10%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Đình Hùng

TS. Lê Thị Hằng

Nguyễn Thọ Phước Thảo